

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-ST

Ngày 29/3/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ

Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Nông Quốc Khôi: Ban dân tộc tỉnh Cao Bằng.

+ Ông: Hoàng Quang Chuẩn: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng.

+ Bà: Hoàng Thị Hương: Hội nông dân tỉnh Cao Bằng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tổ chức xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST - HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn T, T1 gọi khác: không có; Sinh ngày 23/11/1987 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở tạm trú tại xóm B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Bùi Văn H (đã chết); Con bà: Phạm Thị V, sinh năm 1964; Trú tại: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Anh chị em ruột: Bị cáo có 02 chị em, là con cả trong gia đình; Vợ: Lại Thị H1 (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con. Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không, Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T:* Luật sư Trịnh Văn N, Văn phòng Luật sư Trịnh Văn N - Đoàn luật sư tỉnh C, (bào chữa theo quy định của pháp luật), có mặt.

- *Bị hại:* Trương Ngọc H2, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng (đã chết);

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

+ Ông: Trương Công N1, sinh năm 1948, Trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

+ Bà: Phương Thúy B, sinh năm 1950, Trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

+ Triệu Thị D, sinh năm 1979, trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Đinh Văn H3, sinh năm 1981; trú tại: Bó L, H, H, Cao Bằng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lã Minh Đ, sinh năm 1991; Trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

+ Nông Văn T2, sinh năm 1994, Trú tại: xóm P, xã T, huyện N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T, (sinh năm 1987, trú tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) đến tỉnh Cao Bằng làm nghề lái xe chở khoáng sản và vật liệu thải cho Công ty cổ phần K (M) từ khoảng tháng 4/2023. T được bố trí ở cùng với những người công nhân khác làm cùng công ty tại nhà trọ của Công ty thuộc xóm B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Khoảng 20 giờ ngày 21/10/2023, Bùi Văn T cùng với Đinh Văn H3 (sinh năm 1981, trú tại xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng); Nông Văn T2 (sinh năm 1994, trú tại xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng); Dương Nhữ Nam H4 (sinh năm 1986, trú tại xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên); Phạm Văn Q, (sinh năm 1998, trú tại xóm F, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên); La Thị T3 (sinh năm 1997, trú tại tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng); Lã Minh Đ (sinh năm 1991, trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) và một số công nhân khác cùng nhau ngồi ăn cơm tại nhà trọ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì mọi người ăn cơm uống rượu xong, một số người vào giường nằm ngủ, một số người đi chơi, còn

T, H3 và Đ cùng nhau ngồi tại bàn uống nước kê ngoài sân trước cửa nhà. Khoảng 10 phút sau thì Đ đi vào trong buồng ngủ, còn H3 và T vẫn ngồi uống nước.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Trương Ngọc H2 (sinh 1981) và Nông Văn T4 (sinh 1981) cùng với Nông Đức T5 (sinh 1983) cùng trú tại Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh C đến nhà trọ của nhóm công nhân trên chơi với H3. Lúc này tại bàn uống nước ở ngoài sân có Bùi Văn T, Đinh Văn H3, Lã Minh Đ, Trương Ngọc H2, Nông Văn T4 và Nông Đức T5 ngồi uống rượu với nhau. Trong quá trình ngồi uống rượu Thái có mời T4 uống rượu nhưng T4 đã say rượu, không uống thêm nữa, T có hỏi tên thì T4 không trả lời mà quay sang nói cười với H2 khiến T cảm thấy bức tức vì cho rằng mình không được tôn trọng.

Thấy tình hình căng thẳng nên H3 đã thay mặt T4 xin lỗi T, nghe vậy T đứng dậy và đi vào phòng ngủ. Lúc đó mọi người vẫn đang ngồi uống nước thì nghe thấy tiếng đóng cửa rất mạnh phát ra từ buồng ngủ của T. H3 quay đầu nhìn về phía T đang đứng ở cửa chính. Thấy thái độ của T đang tỏ vẻ bức tức, H3 có nói: *“làm gì mà đóng cửa mạnh thế”*. Trước câu hỏi của H3, sự bức tức của T tăng lên và buông lời dọa nạt H3: *“Anh thích gì? Mà thích gì?”*. H3 thấy vậy nên đi đến phía T đứng, kéo về phía nhà bếp và nói rằng: *“đây là mấy người bạn của anh, có gì chú bỏ qua”*.

Sau đó thấy T4 say quá nên T5 đã điều khiển xe máy đưa T4 về trước, còn H2 vẫn ngồi với H3. Khi đó H2 ngồi đối diện với H3, T đứng ở phía sau H3 gần cửa chính ngôi nhà. Huấn nhìn về phía T đang đứng rồi nói: *“thằng áo kẻ (tức T) ra ngoài đường nói chuyện với tao”*, vừa nói dứt lời thì H2 đứng dậy và bước ra đường ngoài sân nhà. T đang sẵn bức tức trong người nên khi thấy H2 nói như vậy thì T bước vòng vào sân, rồi đi vào nhà bếp để lấy dao. Sau khi bước ra khỏi bếp, tay phải của T cầm con dao nhọn dài khoảng 30cm đến 40cm, còn tay trái của T cầm con dao chặt xương dài khoảng 40cm, đầu dao dạng vuông và chạy về phía Huấn đang đứng, tay trái cầm dao chỉ về phía H2 rồi nói: *“tao làm gì mà mày gạ đánh nhau với tao”*.

Trước thái độ hung hăng của T, H3 vào can ngăn và dùng tay ôm, đẩy người Thái về phía nhà bếp, đồng thời tước con dao mà T đang cầm trên tay trái mang vào bếp cắt. Lúc này H2 không nói gì mà tiến về phía chính diện với T. Huấn chưa kịp làm gì thì đã bị T dùng tay phải cầm dao nhọn đâm luôn vào vùng lưng bên trái của H2 khoảng 02 (hai) nhát, thấy có xô xát, đánh nhau nên Lã Minh Đ vào can ngăn, kéo H2 ra ngoài. Trong quá trình can ngăn T và H2, H3 bị vết thương ở bàn tay trái do cổ tước dao trên tay của T. Thấy cả T và H2 được những người khác can ngăn nên H3 đã đi vào nhà để xử lý vết thương trên tay.

Dù đã được mọi người can ngăn nhưng T và H2 vẫn không dừng lại mà tiếp tục lao vào đánh nhau. H2 dùng tay đâm vào vùng vai gáy bên phải của T, đồng thời lao người vào ôm, vật T ngã xuống nền sân, gần vị trí nhóm công nhân hay đề

xe mô tô, ngay gần cột kim loại chống khung mái tôn ở giữa sân. Cả T và H2 đều ngã xuống nền sân rồi vật lộn, giằng co liên tục trong tư thế nằm dưới nền sân mặt đối diện nhau. H2 dùng hai tay ghì hai bên cổ của T, còn T dùng tay phải ôm vòng theo sau lưng H2 rồi dùng con dao đang cầm trên tay phải đâm vào người H2 khoảng 02 (hai) đến 03 (ba) nhát, trong đó có một nhát trúng vào mạn sườn bên phải gần vùng ngực.

Thấy T và H2 vẫn tiếp tục đánh nhau nên Đ kéo H2 ra còn H3 can ngăn T. Lúc đó Nông Văn T2 cũng chạy đến tước con dao mà T cầm trên tay phải rồi ném con dao trên vào bụi cây cạnh nhà bếp, đoạn gần đường dân sinh. Cả nhóm công nhân có mặt lúc đó đẩy T vào trong nhà, còn H3 chạy đến xem tình hình của H2 thì nhìn thấy trên người của H2 bị thương chảy nhiều máu nên H3 và Đ đã cùng nhau lấy xe mô tô đưa H2 đến Trung tâm y tế huyện N, tỉnh Cao Bằng cấp cứu đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/10/2023 Trương Ngọc H2 tử vong.

Sau khi H2 được mọi người đưa đi cấp cứu, T nhờ H4 dùng xe mô tô đèo ra ngoài khu vực thị trấn N vì sợ người nhà của H2 khi nghe tin sẽ tìm T đánh trả thù. H4 chở T đi đến khu vực vườn hoa của thị trấn N thì gặp Q, lúc đó T nói với Q: “*anh vừa đâm người rồi*”. Nghe T nói vậy, Q bảo H4 đi xem tình hình của H2 ở viện như thế nào, rồi T có nhờ Q dùng xe mô tô chở đi tiếp di chuyển hướng huyện B, tỉnh Cao Bằng để tránh người nhà H2. Đang trên đường chở T đi thì Q nhận được cuộc gọi từ phía Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng bảo Q và T dừng lại và vận động Thái quay về Công an huyện N đầu thú. Sau đó, T nhờ Q đưa đến Công an huyện N để đầu thú.

Ngày 22/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án, khám nghiệm tử thi thu thập các dấu vết, vật chứng.

Ngày 23/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 121/QĐ -CSHS giám định nguyên nhân và thời gian chết của Trương Ngọc H2.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 052/23/KLGĐTT- TTPY, ngày 27/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh C kết luận:

1. Các kết quả chính:

** Kết quả khám nghiệm:*

- Vết thương vùng dưới hõm nách phải thấu xuyên thủng phổi phải; đứt gãy cung bên xương sườn 5 bên phải.

- 02 vết thương vùng lưng không thấu vào khoang ngực và ổ bụng.

- Đa vết sây sát da vùng đầu, ngực, bụng và chân trái.

2. Kết luận

- Nguyên nhân chết: Mất máu cấp, hậu quả của vết thương vùng dưới hõm nách phải thấu xuyên thủng phổi phải.

- Thời gian chết: Tại thời điểm khám nghiệm nạn nhân đã chết được khoảng 10 giờ.

Ngày 26/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 124/QĐ - C - Bộ C1 giám định các dấu vết máu.

Tại Bản kết luận giám định số: 8058/KL - KTHS, ngày 11/12/2023 của V1, Bộ C1 kết luận:

1. Các dấu vết màu nâu ghi thu tại vị trí số 1 và số 2 tại hiện trường đều là máu người và là máu của Trương Ngọc H2.

2. Các dấu vết màu nâu nghi máu bám dính trên con dao ghi thu tại vị trí số 4 gửi giám định đều là máu người và là máu của Trương Ngọc H2.

3. Các dấu vết màu nâu nghi máu bám dính trên chiếc áo ghi thu của Bùi Văn T gửi giám định đều là máu của cùng một người nam giới khác, không phải là máu của Trương Ngọc H2.

4. Lưu kiểu gen (ADN) của Trương Ngọc H2 và người nam giới có dấu vết máu để lại trên chiếc áo ghi thu của Bùi Văn T tại V1 - Bộ C1.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSCB-P2 ngày 02 tháng 02 năm 2024 đã truy tố Bùi Văn T ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn T về Tội giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo năn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường mai táng phí cho bị hại 103 triệu đồng; bị cáo ra đầu thú, bị hại cũng một phần có lỗi, nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 15 đến 16 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận gia đình bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng cho bị hại số tiền 103.000.000đồng.

Bị cáo còn phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại theo quy định của pháp luật;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bị cáo phải chịu cấp dưỡng nuôi hai con của bị hại đến đủ 18 tuổi theo quy định;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm dao, áo, quần; Trả lại bị cáo sử dụng 01 điện thoại di động OPPO màu đen (đã qua sử dụng) vì không liên quan đến hành vi phạm tội;

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch phần bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T trình bày luận cứ:

Nhất trí cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh, tuy nhiên về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do bị hại đến gây sự trước nên bị hại cũng có lỗi (theo khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự). Bị cáo thành khẩn nhận tội ăn năn hối cải, đã bồi thường chi phí mai táng cho bị hại số tiền 103 triệu đồng, bị cáo ra đầu thú nên đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị là 13 đến 14 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ án thì gia đình bị cáo đã gặp gia đình bị hại thỏa thuận việc bồi thường, số tiền 98 triệu đồng và 5 triệu tiền chi phí ban đầu, tổng cộng là 103.000.000đồng.

Về việc bồi thường tổn thất tinh thần và việc cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về vật chứng và án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, đối đáp, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và luận tội, không chấp nhận quan điểm của người bào chữa xử phạt bị cáo dưới mức Viện kiểm sát đề nghị vì không có căn cứ.

Người bào chữa vẫn giữ nguyên quan điểm bào chữa cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu xử phạt bị cáo mức án tù chung thân hoặc tử hình vì bị hại đã chết, hậu quả thiệt hại của gia đình là rất lớn; buộc bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần và cấp dưỡng với mức cao nhất.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt mức thấp nhất; Về phần bồi thường mong Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên

toà, bị cáo và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi; Bản tự khai; Biên bản ghi lời khai cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tranh luận tại phiên tòa đã đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 21/10/2023, trong lúc ngồi uống rượu giữa Bùi Văn T và Trương Ngọc H2 đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô sát, đánh nhau. Trong lúc vật lộn, T đã dùng 01 con dao nhọn đâm 04 đến 05 phát trong đó có một nhát trúng vào mạn sườn bên phải gần vùng ngực của H2. Trương Ngọc H2 được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện N và tử vong hồi 00 giờ 30 phút ngày 22/10/2023.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 052/23/KLGĐTT- TTPY, ngày 27/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh C kết luận: Nguyên nhân chết do *“Mất máu cấp, hậu quả của vết thương vùng dưới hõm nách phải thấu xuyên thủng phổi phải”*.

Bị cáo đã sử dụng dao nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng ngực của bị hại, hậu quả là bị hại do mất máu cấp nên đã chết vào 00 giờ 30 phút ngày 22/10/2023.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội giết người quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn T là đặc biệt nghiêm trọng, việc dùng dao nhọn đâm vào vùng ngực của bị hại có thể gây chết người và ý thức chủ quan của bị cáo là mặc cho hậu quả xảy ra. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an - xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để trừng trị người phạm tội và tuyên truyền pháp luật trong quần chúng nhân dân.

Trong vụ án này, bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra cho bị hại theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

+ *Nhân thân*: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính

+ *Tình tiết tăng nặng*: Không có.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo đã tác động gia đình, người thân lo mai táng phí cho gia đình bị hại với tổng số tiền 103 triệu đồng; Bị cáo đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng đầu thú; Người bị hại cũng một phần có lỗi, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[5]. Trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình, người thân lo mai táng phí cho gia đình bị hại với số tiền 103 triệu đồng. (Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của gia đình bị hại xác nhận đã được gia đình bị cáo trả số tiền 103 triệu đồng).

Đại diện bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tiền tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại mức cao nhất là 100 tháng lương tối thiểu, tương đương số tiền 180.000.000đồng; Buộc bị cáo phải chịu cấp dưỡng nuôi hai con của bị hại từ khi bị hại chết đến khi các con đủ 18 tuổi;

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của bị hại là có căn cứ, tuy nhiên mức yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần tối đa là cao, vì gia đình bị cáo đã lo chi trả toàn bộ số tiền đám tang là 103 triệu đồng, do đó chỉ chấp nhận thêm các khoản như sau:

- Tiền tổn thất về tinh thần cho bố, mẹ vợ và các con của bị hại: 80 tháng lương tối thiểu: $80 \text{ tháng} \times 1.800.000\text{đ/tháng} = 144.000.000\text{đồng}$.

- Tiền cấp dưỡng nuôi 2 con của bị hại: Trương Thành L, sinh ngày 21/7/2006; Trương Duy L1, sinh ngày 01/8/2023, cụ thể:

+ Mức cấp dưỡng: 2.000.000đ/1 tháng/1 con;

(Hai con = 4 triệu đồng/tháng);

+ Thời điểm cấp dưỡng: Tính tròn tháng, từ 01/11/2023 cho đến khi các cháu L, L1 tròn đủ 18 tuổi.

+ Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 con dao nhọn là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì tịch thu tiêu hủy; áo phông, quần ngắn và áo cộc tay đã cũ hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) điện thoại di động của bị cáo không liên quan nên cần trả cho bị cáo sử dụng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về tội danh; về mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự; về việc cấp dưỡng nuôi con bị hại; về xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về mức án 13 đến 14 năm tù và quan điểm của đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu xử phạt bị cáo mức án chung thân hoặc tử hình là không tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Các nhận định khác: không có.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch phần bồi thường và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T 15 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2023.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584; 585; 591, 593 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

+ Bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường thiệt hại về tính mạng, các chi phí mai táng cho bị hại (*xác nhận gia đình bị cáo đã trả các khoản trên cho gia đình bị hại số tiền 103.000.000đồng*);

+ Bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho bố, mẹ, vợ và 2 con của bị hại là 80 tháng lương cơ bản x 1.800.000đ/tháng = 144.000.000đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bị cáo chưa trả khoản tiền trên cho người đại diện hợp pháp của bị hại thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”.

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 591; khoản 2 Điều 593 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con của bị hại gồm: Trương Thành L, sinh ngày 21/7/2006; Trương Duy L1, sinh ngày 01/8/2023:

+ Mức cấp dưỡng: 2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng);

+ Thời điểm cấp dưỡng: Tính tròn tháng, từ 01/11/2023 cho đến khi các cháu tròn đủ 18 tuổi.

+ Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ 01 (một) con dao đã qua sử dụng, có 01 lưỡi sắc đầu nhọn màu đen dài 32cm, lưỡi dao dài 19,1cm chỗ rộng nhất 4,2cm, cán dao bằng nhựa giả gỗ màu nâu;

+ 01 (một) áo phông có cổ sọc màu đen trắng, trên áo có bám dính chất màu nâu đỏ, phần dưới bên trái của áo có nhãn mác với dòng chữ DENIM II NEW FASHOION, áo cũ đã qua sử dụng;

+ 01 (một) quần ngố màu trắng có dính nhiều chất màu vàng nâu, mặt trong phía sau của cặp quần có nhãn mác TOMY TRUONG PHAT HILFIGER, quần cũ đã qua sử dụng;

+ 01 (một) áo cộc tay màu xanh lam đã qua sử dụng.

- *Trả lại bị cáo sử dụng:* 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, nhãn hiệu OPPO màu đen, mặt sau điện thoại có 01 vết nứt đã cũ, không kiểm tra được chi tiết bên trong do máy có cài đặt mật khẩu.

(Xác nhận số vật chứng trên đang lưu tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 62 ngày 28 tháng 02 năm 2024).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch phần tiền bồi thường thiệt hại là $144.000.000đ \times 5\% = 7.200.000$ đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của bị hại số tiền là 300.000 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQCSĐT-CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

Hoàng Văn Thụ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nông Quốc Khôi

Hoàng Quang Chuẩn

Hoàng Thị Hường